Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9025.19.20

Mã HS	9025.19.20
Mô tả hàng hóa	Tỷ trọng kế và các dụng cụ đo dạng nổi tương tự, nhiệt kế, hỏa kế, khí áp kế, ẩm kế, có hoặc không ghi, và tổ hợp của chúng / - Nhiệt kế và hỏa kế, không kết hợp với các dụng cụ khác: / - - Loại khác: / - - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 06:43:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90251920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18157
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18157
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18157
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17478
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17407
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17407
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17407
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17407
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17407
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17407
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17463
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17463

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17463
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17463
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17463
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17463
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17464
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17464
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17464
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17464
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17464
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17464
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17469
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17425
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17421
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17421
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17421
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17421
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17421
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17421
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17467
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17467
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17467
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17467
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17467
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17467
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17529
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17529

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17529
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17529
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17529
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17529
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17505
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17505
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17505
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17505
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17505
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17505
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17500
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17500
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17500
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17500
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17500
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17500
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17530
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17530
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17530
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17530
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17530
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17530
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17529
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17529
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17529
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17529

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17529
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17529
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17623
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17623
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17623
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17623
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17623
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17623
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17623
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17492
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17492
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17492
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17492
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17492
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17492
RCEP B	2022	2022	0	B!D17492
RCEP B	2023	2023	0	B!E17492
RCEP B	2024	2024	0	B!F17492
RCEP B	2025	2025	0	B!G17492
RCEP B	2026	2026	0	B!H17492
RCEP B	2027	2027	0	B!I17492
RCEP C	2022	2022	0	C!D17490
RCEP C	2023	2023	0	C!E17490
RCEP C	2024	2024	0	C!F17490
RCEP C	2025	2025	0	C!G17490
RCEP C	2026	2026	0	C!H17490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17490
RCEP D	2022	2022	0	D!D17489
RCEP D	2023	2023	0	D!E17489
RCEP D	2024	2024	0	D!F17489
RCEP D	2025	2025	0	D!G17489
RCEP D	2026	2026	0	D!H17489
RCEP D	2027	2027	0	D!I17489
RCEP E	2022	2022	0	E!D17493
RCEP E	2023	2023	0	E!E17493
RCEP E	2024	2024	0	E!F17493
RCEP E	2025	2025	0	E!G17493
RCEP E	2026	2026	0	E!H17493
RCEP E	2027	2027	0	E!I17493
RCEP F	2022	2022	0	F!D17492
RCEP F	2023	2023	0	F!E17492
RCEP F	2024	2024	0	F!F17492
RCEP F	2025	2025	0	F!G17492
RCEP F	2026	2026	0	F!H17492
RCEP F	2027	2027	0	F!I17492
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16399
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16399
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16399
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16399

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9025.19 có 3 dòng thuế; dòng 9025.19.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	9025.19.11 Máy đo nhiệt độ dùng cho xe có động cơ; 9025.19.19 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9025.19.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9025.19.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18157), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.